# Coding Convention

## naming conventions

1. Quy ước đặt tên biến
   * **đặt theo camelCase(lạc đà)** : nameVariable.
   * **gloBal** : NAME\_VARIABLE

* Đặt tên file
  + **đặt chèn \_** : name\_file\_abount.

1. Đặt tên function:
   * đặt  theo camelCase : myFunction
   * B.Đặt tên Class :PascalCase
   * MyClass

C.đặt tên class html 👍

**Định nghĩa block, element, modifier**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thành phần | Block (Khối) | Element (Phần tử) | Modifier (Sửa đổi) |
| Định nghĩa | Là thực thể độc lập có ý nghĩa riêng. Tuy các block có thể được lồng vào nhau và tương tác với nhau, nhưng về mặt ngữ nghĩa các block vẫn bình đẳng, không có sự ưu tiên hoặc thứ bậc. | Là một phần của block và không có ý nghĩa độc lập, hay có thể coi element là phần tử con của block, element được gắn về mặt ngữ nghĩa với block của nó. | Là sửa đổi trên một block hoặc element, được dùng để thay đổi vẻ ngoài, hành vi hoặc trạng thái của block hay element đó. |
| Ví dụ | header, container, menu, checkbox, input | menu item, list item, checkbox caption, header title | disabled, highlighted, checked, fixed, size big, color yellow |

quy ước - quy tắc 👍

**VỀ SỐ LƯỢNG**

* Các hàm không được quá 30 dòng.
* Các lớp không vượt quá 500 dòng.
* Mỗi hàm không được vượt quá 5 tham số. Tốt nhất lập trình viên nên giữ dưới mức 3 hoặc bằng 3.
* Hàm chỉ thực hiện một việc duy nhất.
* 1 Dòng chỉ chứa 1 biến.
* Mỗi dòng không được quá 80 ký tự và các câu lệnh được lồng vào nhau không quá 4 cấp.

**XUỐNG HÀNG** 👍

xuống hàng sau dấu phẩy : ,

xuống hàng sau dấu mũi tên : ->

Json trả về sẽ có dạng :

            return response()->json(['result-code' => 200, ,'message' => 'Success', 'results' => $search]);

result : mã code trả về

message : success hoặc error hoặc warning

results : kết quả trả về hoặc null